| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN VĂN QUAN**<br>**TỈNH LẠNG SƠN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22 -5- 2020
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Hoàng Thị Thu Hường

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Hoàng Tiến Hùng

2. Ông La Anh Thái

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Công Chung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nông Thị T, sinh năm 1987. Cư trú tại: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Tô Văn N, sinh năm 1987. Cư trú tại: Thôn T, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nông Thị T trình bày:

Chị Nông Thị T và anh Tô Văn N kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Phúc, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn ngày 18/3/2013 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Trước khi kết hôn, hai bên được tìm hiểu nhau, tự nguyện kết hôn, không bị lừa dối, ép buộc. Sau khi kết hôn chị Nông Thị T và anh Tô Văn N cùng chung sống

với gia đình anh Tô Văn N tại thôn T, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, sau đó hai vợ chồng cùng nhau đi làm công nhân ở Bắc Ninh từ năm 2013. Thời gian đầu cuộc sống hai vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên từ sau khi cưới chị Nông Thị T đã phát hiện anh Tô Văn N thường xuyên rượu chè, chơi lô đề, cờ bạc, anh Tô Văn N đã nhiều lần cầm cố xe máy của vợ chồng để lấy tiền chơi cờ bạc, chị Nông Thị T đã hai lần đi chuộc xe từ nơi cầm cố để lấy phương tiện đi lại. Bắt đầu từ năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị Nông Thị T đã nhiều lần khuyên can chồng nhưng anh Tô Văn N vẫn không chịu tu chí làm ăn, thường xuyên rượu chè, cờ bạc nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, anh Tô Văn N đã một lần đánh chị và vứt đồ đạc của chị ra ngoài. Từ tháng 01/2017, chị Nông Thị T về nhà mẹ đẻ ở thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn sinh sống và không về nhà chồng, hai vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Nông Thị T xin được ly hôn anh Tô Văn N. Về con con chung, tài sản chung, vay nợ chung, chị Nông Thị T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Tô Văn N trình bày anh và chị Nông Thị T đăng ký kết hôn ngày 18/3/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Yên Phúc, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn như chị Nông Thị T đã trình bày. Từ khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc và cùng nhau đi làm công nhân ở Bắc Ninh. Anh Tô Văn N thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng, anh Tô Văn N có rượu chè, cờ bạc, có đi cầm cố xe máy khoảng 5,6 lần để lấy tiền đánh bạc nhưng chị Nông Thị T chỉ chuộc xe cho anh một lần. Từ tháng 01/2017 đến nay chị Nông Thị T bỏ đi Trung Quốc làm thuê, không về nhà chồng, anh Tô Văn N có vài lần đến nhà mẹ đẻ chị Nông Thị T tìm vợ nhưng không gặp. Chị Nông Thị T có điện thoại cho anh một lần vào đầu năm 2017 để yêu cầu ly hôn, từ đó đến nay hai vợ chồng không liên lạc với nhau. Anh Tô Văn N cho rằng hiện nay anh đã tu chí làm ăn, tình cảm vợ chồng không có gì mâu thuẫn nên không đồng ý ly hôn. Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung, anh Tô Văn N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Văn Quan đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi chị Nông Thị T và anh Tô Văn N cư trú sau khi kết hôn. Tại biên bản xác minh ngày 05/5/2020, Trưởng thôn T, xã Y, huyện V cho biết chị Nông Thị T và anh Tô Văn N kết hôn có đăng ký kết hôn như anh chị đã trình bày. Sau khi kết hôn, chị Nông Thị T và anh Tô Văn N thường xuyên đi làm công nhân ở xa, chỉ khi lễ tết mới về thôn Tây A để thăm gia đình nên địa phương không nắm được chị Nông Thị T và anh Tô Văn N có mâu thuẫn gì. Từ tháng 01/2017 đến nay chị Nông Thị T không về địa phương nữa.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục, tiến hành thu thập chứng cứ, hướng dẫn đương sự viết tự khai, lấy lời khai nguyên đơn, bị đơn, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký

Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Viện kiểm sát không có đề nghị, kiến nghị gì.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nông Thị T được ly hôn với anh Tô Văn N, không xem xét giải quyết về con chung, tài sản chung, vay nợ chung do cả hai bên đương sự đều thống nhất không có. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại thôn T, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân, xét thấy chị Nông Thị T và anh Tô Văn N kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn ngày 18/3/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Yên Phúc, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn, quan hệ hôn nhân là hợp pháp, kết hôn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc. Sau khi kết hôn, chị Nông Thị T và anh Tô Văn N chỉ chung sống hạnh phúc được 02 năm, từ năm 2015 đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh Tô Văn N không tu chí làm ăn, hay rượu chè, cờ bạc, thậm chí giữa vợ chồng đã có lần xảy ra bạo lực gia đình. Từ tháng 01/2017 đến nay hai vợ chồng sống ly thân, chị Nông Thị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn Nà Tốn, xã Tri Phương huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn sinh sống và đi làm thuê ở Trung Quốc, không còn quan tâm đến chồng, anh Tô Văn N cũng không có biện pháp gì để cố gắng hàn gắn quan hệ hôn nhân. Kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, anh Tô Văn N cũng chưa tìm gặp chị Nông Thị T lần nào để bàn bạc, tháo gỡ mâu thuẫn, hàn gắn quan hệ vợ chồng. Tại phiên tòa, chị Nông Thị T khẳng định không còn tình cảm với chồng và kiên quyết xin ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ vợ chồng giữa chị Nông Thị T và anh Tô Văn N đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn quan tâm, yêu thương lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nông Thị T.

[4] Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung: Hai bên đương sự đều trình bày không có con chung, tài sản chung, vay nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị T được ly hôn anh Tô Văn N.

2. Về con chung: Không có

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có

4. Về án phí: Chị Nông Thị T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Số tiền trên được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Nông Thị T đã nộp theo biên lai thu số AA/2012/03916 ngày 18/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Quan;
- Chi cục THADS huyện Văn Quan;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Phúc, huyện Văn Quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Thị Thu Hường**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Tiến Hùng** **La Anh Thái** **Hoàng Thị Thu Hường**